TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1097/2026/DS-ST
Ngày: 29/5/2026
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Phương Vy – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 5 và ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1529/2026/QĐXXST-DS ngày 21/4/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1963/2026/QĐST-DS ngày 14/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T; Sinh năm 2004;

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, số A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Văn bản ủy quyền số 992/2026/UQ-KHCN ngày 05/5/2026.

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Phương N;** Sinh năm: 1997.

CCCD số: 079197008229

Nơi cư trú: Số H đường B, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (Sau đây gọi là V1) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 19/5/2022 (Hợp đồng số 325-P-2267957), cụ thể như sau:

Hạn mức thẻ	:	**78.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu đồng)*
Ngày mở thẻ	:	21/5/2022
Thời hạn vay	:	60 tháng
Lãi suất	:	Theo quy định của VPBank từng thời kỳ (Niêm yết tại website www.vpbank.com.vn)

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền 324.102.878 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 312.452.862 đồng, trong đó: Tiền gốc là 256.103.109 đồng, tiền lãi là 55.075.864 đồng và tiền phí là 1.273.889 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, toàn bộ khoản vay của bà N bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 13/7/2025.

Tạm tính đến ngày 29/5/2026, bà Nguyễn Thị Phương N còn nợ Ngân hàng V1 theo hợp đồng trên số tiền là: Nợ gốc: 67.999.769 đồng; Nợ lãi quá hạn: 35.466.648 đồng. Tổng cộng: 103.466.417 đồng. *(Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười bảy đồng)*

Do bà Nguyễn Thị Phương N vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, V1 khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương N phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 29/5/2026 tổng cộng là 103.466.417 đồng với nợ gốc và nợ lãi như đã trình bày.

2. Bà Nguyễn Thị Phương N tiếp tục phải trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận kể từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng V1.

3. V1 xác định chỉ cho cá nhân bà Nguyễn Thị Phương N vay vốn, không liên quan đến người khác; Do đó, chỉ yêu cầu cá nhân bà N có nghĩa vụ thanh toán

nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và không đề nghị đưa thêm người tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, thấy rằng:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng:

Trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý; Việc thu thập, đánh giá chứng cứ và triệu tập đương sự tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự tiến hành phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo thời hạn tố tụng theo quy định.

Nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Nguyễn Thị Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo Khoản 1 Điều 228; xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định.

- Về nội dung vụ án:

Về hiệu lực hợp đồng:

Bà Nguyễn Thị Phương N đã ký kết và sử dụng thẻ tín dụng tại V1 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số 325-P-2267957 ký ngày 19/5/2022 với hạn mức 78.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Về nghĩa vụ thanh toán:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, V1 đã cấp hạn mức tín dụng đầy đủ. Bà Nguyễn Thị Phương N không thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, vi phạm quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là hành vi vi phạm hợp đồng có cơ sở xác định rõ ràng.

Về số tiền yêu cầu:

Tính đến ngày 29/05/2026, tổng dư nợ bà Nguyễn Thị Phương N phải thanh toán cho V1 là 103.466.417 đồng, trong đó: Nợ gốc 67.999.769 đồng; Nợ lãi quá hạn 35.466.648 đồng. Việc tính lãi phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Khoản 4 Điều 13 và Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

Về lãi phát sinh sau ngày xét xử:

Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận cụ thể về lãi suất quá hạn và lãi chậm trả, phù hợp với các quy định pháp luật nêu trên. Yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương N thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2026 là 103.466.417 đồng, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 30/5/2026 đến khi thanh toán xong.

- Buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ đã ký kết. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ vay

vốn giữa tổ chức tín dụng và cá nhân, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N có nơi cư trú hiện nay tại 837/44/3 B, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên họp ngày 03/4/2026 nên phiên hòa giải không tiến hành được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hiệu lực hợp đồng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Bà Nguyễn Thị Phương N đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử với V1 ký ngày 19/5/2022 (Hợp đồng số 325-P-2267957), với hạn mức 78.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, ngày mở thẻ 21/5/2022. V1 đã cấp hạn mức tín dụng thẻ cho bà N theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng nêu trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó,

hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ ràng buộc các bên.

[3.2] Về hành vi vi phạm nghĩa vụ của bị đơn:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Phương N đã sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền 324.102.878 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 312.452.862 đồng (Nợ gốc: 256.103.109 đồng; Nợ lãi: 55.075.864 đồng; Nợ phí: 1.273.889 đồng). Bà N đã không thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 13/7/2025. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Về số tiền nợ và căn cứ xác định:

Mặc dù Tòa án đã tạo đầy đủ điều kiện để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố và không đề nghị thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời được xem là từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê thẻ số 325-P-2267957 do V1 lập, tính đến ngày 29/5/2026, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Phương N còn nợ V1 là: 103.466.417 đồng. *(Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười bảy đồng)*. Trong đó: Nợ gốc: 67.999.769 đồng; Nợ lãi quá hạn: 35.466.648 đồng.

Các khoản lãi được tính phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13 và Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử:

Tại hợp đồng tín dụng số 325-P-2267957, các bên đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả và thống nhất bên vay phải tiếp

tục chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13 và Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do bị đơn chưa thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ, bà Nguyễn Thị Phương N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thanh toán xong, theo đúng mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi phát sinh sau ngày xét xử có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N1;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Phương N (Sinh năm 1997; CCCD số: 079197008229) phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2026 cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng số 325-P-2267957, cụ thể:

Nợ gốc : 67.999.769 đồng

Nợ lãi : 35.466.648 đồng

Tổng cộng : 103.466.417 đồng

(Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười bảy đồng)

3. Kể từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà Nguyễn Thị Phương N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng số 325-P-2267957 ký ngày 19/5/2022.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.173.320đ (Năm triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.390.907đ (Hai triệu ba trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001060 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM;
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính